

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08 – 12 – 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 262/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/7/2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 30/11/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị T, sinh 1978. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Văn Công T1, sinh 1972. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2022 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lý Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Văn Công T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995 đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cãi vã, ông T1 thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới xúc phạm bà, bà có góp ý tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng ông T1 vẫn chứng nào tật đấy, nên bà bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 10/2021 đến nay, không quan T hỏi thăm nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào ngày 01/9/2022 ông T1 hăm dọa sẽ giết bà và dùng tay đâm thẳng

vào mặt bà làm ảnh hưởng đến mắt trái của bà. Nay tình cảm của bà với ông T1 không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Văn Công T1.

Về con chung: Vợ chồng bà có 04 người con chung là Văn Thị Kim T2, sinh năm 1995; Văn Thị Hồng T3, sinh năm 1998; Văn Lý Thanh T4, sinh năm 2003 và Văn Lý Mai T5, sinh ngày 28/10/2009. Các con T2, T3, T4 trên 18 tuổi, lao động tự túc được, riêng Văn Lý Mai T5 đang học lớp 8 hiện nay đang sống với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con Văn Lý Mai T5, bà không yêu cầu ông Văn Công T1 cấp dưỡng nuôi con, thu nhập của bà hiện nay trung bình hàng tháng trên 5.000.000^d.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2022 cũng như tại phiên hòa giải ngày 02/11/2022 bị đơn ông Văn Công T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lý Thị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, đến năm 2003 có kết hôn tại UBND xã A. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông yêu cầu bà T vào rẫy cùng với ông sống và canh tác nhưng bà T không đồng ý, vợ chồng xảy ra cãi vã, rồi tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Bà T về sống tại nhà mẹ đẻ không quan T đến ông, mạnh ai nấy sống. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào ngày 01/9/2022 do không làm chủ được bản thân, ông có dùng tay đâm vào mặt bà T, sau đó ông có xin lỗi nhưng bà T không chấp nhận và đòi ly hôn với ông, ông xác nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Nay bà T xin ly hôn ông không đồng ý vì ông còn tình cảm với bà T.

Về con chung: Vợ chồng ông có 04 người con chung là Văn Thị Kim T2, sinh năm 1995; Văn Thị Hồng T3, sinh năm 1998; Văn Lý Thanh T4, sinh năm 2003 và Văn Lý Mai T5, sinh ngày 28/10/2009. Các con Thị, Thâm, T4 trên 18 tuổi, lao động tự túc được, riêng Văn Lý Mai T5 đang học lớp 8 hiện nay đang sống với bà T. Trường hợp bà T kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý giao con Văn Lý Mai T5 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:
Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn trong quá trình giải quyết có trình bày ý kiến, có tham gia phiên hòa giải theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 BLTTDS là có căn cứ.

Về nội dung: Bà Lý Thị T và ông Văn Công T1 chung sống với nhau từ năm 1995 đến năm 2003 có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, không quan T nhau, ông T1 còn dung bạo lực với bà T. Chứng tỏ tình cảm vợ chồng bà T, ông T1 không thể hàn gắn lại, hôn nhân vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu

cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lý Thị T. Về con chung: Giao cháu Văn Lý Mai T5, sinh ngày 28/10/2009 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lý Thị T khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện N xin ly hôn với ông Văn Công T1 ở A, xã A, huyện N và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện N thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với bị đơn là ông Văn Công T1, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông T1 cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị T và ông Văn Công T1 chung sống với nhau từ năm 1995 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện N ngày 29/5/2003 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Mâu thuẫn trầm trọng hơn vào ngày 01/9/2022 ông T1 sử dụng bạo lực, dùng tay đập vào mặt bà T làm cho mắt bà T bị chấn thương nhãn cầu, xuất huyết kết mạc mắt phải đi khám và điều trị. Những mâu thuẫn trên đều được ông T1 thừa nhận, nên đây là các tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Chứng tỏ tình cảm vợ chồng bà T, ông T1 không thể hàn gắn lại, hôn nhân vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T đề nghị được ly hôn với ông T1 là có căn cứ, có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông T1 trình bày vợ chồng chung sống có 04 con chung là cháu ăn Lý Kim T2, sinh năm 1995, Văn Thị Hồng T3, sinh năm 1998, Văn Lý Thanh Thủy, sinh năm 2003 và Văn Lý Mai T5, sinh ngày 28/10/2009. Các cháu T2, T3, T4 đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được. Riêng cháu Văn Lý Mai T5 chưa đủ 18 tuổi, hiện nay đang sống với bà T, xét nguyện vọng của cháu T5 được sống với bà T phù hợp với quy

định tại khoản 2, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, cần giao cháu Văn Lý Mai T5 cho bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của bà T.

[3] Về án Phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị T. Bà Lý Thị T được ly hôn với ông Văn Công T1.

2/. Về con chung: Giao cháu Văn Lý Mai T5, sinh ngày 28/10/2009 cho bà Lý Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Văn Công T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị T phải chịu 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002636, ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Bà T đã nộp đủ án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4./ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND N;
- Chi cục THADS N;
- Các đương sự;
- UBND xã A ;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Cường